

ST T	Họ Và Tên	Mục 6000		6757		Mục 6100										Thâm niên		Tổng lương		Ngặt hưởng BHXH		Các khoản thu			Tổng Bình	
		Hệ số	Số tiền	Hệ số	Số tiền	Chức vụ Hệ Số số tiền	Khu vực	Phụ cấp khác		Vượt khung		Pc ưu đãi 70%	Độc lập số % tiền	Biên giới	%	Số tiền		Số ngày	Số tiền	1% BHVT	1,5% BHTN	8%BHXH				
								Hệ số	Số tiền	Hệ số	Số tiền															
1	Mạc Thị Sâm	5,02	9.036.000			0,40	720.000	900.000				-		6.829.200		2.926.800	25%	2.439.000	22.851.000		121.950	182.925	975.600	21.570.525		
2	Vũ Khánh Huyền	4,34	7.812.000			0,30	540.000	900.000				-		5.846.400		2.505.600	23%	1.920.960	19.524.960		102.750	154.094	821.837	18.446.299		
3	Lò Văn Chung	5,36	9.648.000			0,20	360.000	900.000				-		7.005.600		3.002.400	27%	2.702.160	23.618.160		127.102	190.652	1.016.813	22.283.593		
4	Lương Thị Hạnh	4,68	8.424.000				-	900.000						5.896.800		2.527.200	23%	1.937.520	19.685.520		103.615	155.423	828.922	18.597.560		
5	Nguyễn Duy Thuý	4,34	7.812.000				-	900.000				-		5.468.400		2.343.600	24%	1.874.880	18.398.880		96.869	145.303	774.950	17.381.758		
6	Lò Văn Phong	4,00	7.200.000				-	900.000						5.040.000		2.160.000	20%	1.440.000	16.740.000		86.400	129.600	691.200	15.832.800		
7	Lò Văn Dương	4,00	7.200.000				-	900.000						5.040.000		2.160.000	13%	936.000	16.236.000		81.360	122.040	650.880	15.381.720		
8	Trần Thị Hải	3,26	5.868.000				-	900.000				-		4.107.600		1.760.400	13%	762.840	13.398.840		66.308	99.463	530.467	12.702.602		
9	Lò Văn Hùng	3,34	6.012.000			0,15	270.000	900.000				-		4.397.400		1.884.600	11%	691.020	14.155.020		69.730	104.595	557.842	13.422.853		
10	Nguyễn T Khánh	4,89	8.802.000				-	900.000			0,29	528.120		6.531.084		2.799.036	32%	2.985.638	22.545.878		123.158	184.736	985.261	21.252.724		
11	Lò Thị Nhung	4,58	8.244.000				-	900.000				-		5.770.800		2.473.200	25%	2.061.000	19.449.000		103.050	154.575	824.400	18.366.975		
12	Nguyễn T Nhàn	4,68	8.424.000				-	900.000				-		5.896.800		2.527.200	25%	1.937.520	19.685.520		103.615	155.423	828.922	18.597.560		
13	Trần Thị Loan	3,66	6.588.000				-	900.000						4.611.600		1.976.400	12%	790.560	14.866.560		73.786	110.678	590.285	14.091.811		
14	Quảng Văn Tân	3,66	6.588.000				-	900.000						4.611.600		1.976.400	12%	790.560	14.866.560		73.786	110.678	590.285	14.091.811		
15	Lương Thị Hiền	3,33	5.994.000			0,15	270.000	900.000						4.384.800		1.879.200	11%	689.040	14.117.040		69.230	104.296	556.243	13.386.971		
16	Đỗ Quý Bô	3,33	5.994.000				-	900.000				-		4.195.800		1.798.200	13%	779.220	13.667.220		67.732	101.598	541.838	12.956.032		
17	Lò T. Thu Hiền	3,34	6.012.000				-	900.000		0,20	360.000			4.208.400		1.803.600	11%	661.320	13.945.320		66.733	100.100	533.866	13.244.621		
18	Vũ Thị Chi	3,33	5.994.000				-	900.000			0			4.195.800		1.798.200	9%	539.460	13.427.460		65.335	98.002	522.677	12.741.447		
19	Quảng Thị Hương	2,34	4.212.000			0,2	360.000	900.000						3.200.400		1.371.600	6%	274.320	10.318.320		48.463	72.695	387.706	9.809.456		
20	Quảng Thị Chinh		-				-							-		0			-			0	0	0	0	
21	Lò Thị Hương		-				-				0			-		0			-			0	0	0	0	
Cộng		75,48	135.864.000			1,4	2.520.000	17.100.000		0,20	360.000		0,3	528.120		97.238.484	#	41.673.636	333%	26.213.018	321.497.258	0	1.651.251	2.476.877	13.210.011	304.159.119
22	Trần Văn Quyết		-	2,04	3.039.600		745.000							911.880				54.415	81.622	435.318					4.870.125	
Tổng cộng		75,48	135.864.000	2,04	3.039.600	1,4	2.520.000	17.845.000	0,20	360.000		0,3	528.120	97.238.484	#	42.585.516	333%	26.213.018	326.938.738	0	-	1.705.666	2.558.499	13.645.329	309.029.243	

Lò Thị Hương hưởng lương thai sản từ ngày 01/05/2024 đến hết ngày 31/10/2024

Quảng Thị Chinh hưởng lương thai sản từ ngày 01/09/2024 đến hết ngày 28/02/2025

KẾ TOÁN

TRƯỜNG TIỂU HỌC SỐ 2 XÃ MƯỜNG PỒN
H. ĐIỆN BIÊN
Mạc Thị Sâm

Trần Văn Quyết

Trần Văn Quyết

BẢNG THANH TOÁN PHỤ CẤP LÂU NĂM ĐỔI VỚI CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC
CÔNG TÁC Ở VÙNG CÓ ĐIỀU KIỆN KT-XH ĐẶC BIỆT KHÓ KHĂN (THEO NGHỊ ĐỊNH 116/2010/NĐ - CP)

THÁNG 09/2024

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm điều động tiếp nhận công tác tại vùng đặc biệt KK	Thời gian tính hưởng phụ cấp lâu năm tăng dân	Thời gian tính hưởng phụ cấp lâu năm tăng dân	Hệ số PC được hưởng	Lương tối thiểu	Tổng cộng	Số tháng hưởng	Số tiền	Ghi chú
1	Mạc Thị Sâm		17 năm 8 tháng	17 năm 9 tháng	1,0	1.800.000	1.800.000	1	1.800.000	
2	Vũ Khánh Huyền		18 năm 9 tháng	18 năm 10 tháng	1,0	1.800.000	1.800.000	1	1.800.000	
3	Lò Văn Chung		19 năm 11 tháng	20 năm 0 tháng	1,0	1.800.000	1.800.000	1	1.800.000	
4	Lường Thị Hạnh		15 năm 0 tháng	15 năm 01 tháng	1,0	1.800.000	1.800.000	1	1.800.000	
5	Nguyễn Duy Thụy		24 năm 8 tháng	24 năm 9 tháng	1,0	1.800.000	1.800.000	1	1.800.000	
6	Lò Văn Phong		18 năm 11 tháng	19 năm 0 tháng	1,0	1.800.000	1.800.000	1	1.800.000	
7	Lò Văn Dương		14 năm 10 tháng	14 năm 11 tháng	0,7	1.800.000	1.260.000	1	1.260.000	
8	Trần Thị Hai		13 năm 4 tháng	13 năm 5 tháng	0,7	1.800.000	1.260.000	1	1.260.000	
9	Lò Văn Hùng		12 năm 4 tháng	12 năm 5 tháng	0,7	1.800.000	1.260.000	1	1.260.000	
10	Nguyễn Thị Khánh		6 năm 10 tháng	6 năm 11 tháng	0,5	1.800.000	900.000	1	900.000	
11	Lò Thị Nhung		6 năm 10 tháng	6 năm 11 tháng	0,5	1.800.000	900.000	1	900.000	
12	Nguyễn Thị Nhuận		6 năm 7 tháng	6 năm 8 tháng	0,5	1.800.000	900.000	1	900.000	
13	Trần Thị Loan		9 năm 9 tháng	9 năm 10 tháng	0,5	1.800.000	900.000	1	900.000	
14	Quàng Văn Tân		12 năm 11 tháng	13 năm 0 tháng	0,7	1.800.000	1.260.000	1	1.260.000	
15	Lường Thị Hiền		12 năm 01 tháng	12 năm 02 tháng	0,7	1.800.000	1.260.000	1	1.260.000	
16	Đỗ Quý Bộ		10 năm 4 tháng	10 năm 5 tháng	0,7	1.800.000	1.260.000	1	1.260.000	
17	Lò Thị Thu Hiền		10 năm 4 tháng	10 năm 5 tháng	0,7	1.800.000	1.260.000	1	1.260.000	
18	Vì Thị Chi		8 năm 9 tháng	8 năm 10 tháng	0,5	1.800.000	900.000	1	900.000	
19	Quàng Thị Hương		6 năm 10 tháng	6 năm 11 tháng	0,5	1.800.000	900.000	1	900.000	
	Cộng				13,9	34.200.000	25.020.000	19	25.020.000	

Kế toán

Hiệu trưởng



Mạc Thị Sâm